

Bản án số: **23/2025/HS-ST**

Ngày: 09- 6 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa:* Ông Phạm Quốc Duy

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đặng Hoàng Mích;

Ông Bùi Tuấn Khanh.

- *Thư ký phiên Tòa:* Ông Lê Minh Trọng, ông Đặng Huỳnh Khánh Duy - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*
Ông Huỳnh Vĩnh Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre
xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2025/TLST-HS ngày 20
tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HS
ngày 16 tháng 5 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Trần Hoàng T. Sinh ngày 24 tháng 10 năm 1994, tại tỉnh Bến Tre.

- Giới tính: nam.

- Nơi cư trú: ấp TT, xã TX, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

- Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: kinh; Quốc tịch:
Việt Nam; Tôn giáo: không; Họ và tên cha: Trần Văn D; Họ và tên mẹ: Phạm Thị
N; Họ và tên vợ: Nguyễn Thị O; Anh, chị, em ruột: có 03 người, lớn nhất sinh
năm 1996 và nhỏ nhất sinh năm 2001; Bị cáo có 02 người con ruột, lớn nhất sinh
năm 2012 và nhỏ nhất sinh năm 2015.

- Tiền án, tiền sự: không.

- Bị bắt tạm giam để điều tra từ ngày 07/8/2024 cho đến nay. Hiện đang bị
tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn T1. Sinh ngày 08 tháng 11 năm 1994, tại tỉnh Bến Tre.

- Giới tính: nam.

- Nơi cư trú: ấp 1 GS, xã BT, huyện BD.

- Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Họ và tên cha: Nguyễn Văn C; Họ và tên mẹ: Đỗ Thị N; Họ và tên vợ: Nguyễn Hồng T; Bị cáo có 01 người em ruột sinh năm 2005 và 01 người con ruột sinh năm 2023.

- Tiền án, tiền sự: không.

- Bị bắt tạm giam để điều tra từ ngày 07/8/2024 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Huỳnh Thanh L. Sinh ngày 09 tháng 10 năm 2000, tại tỉnh Bến Tre.

- Giới tính: nam.

- Nơi cư trú: ấp TA, xã TX, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

- Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Họ và tên cha: Huỳnh Thanh P; Họ và tên mẹ: Lê Thị Cẩm Y; Họ và tên vợ: Lê Thị Như Y; Bị cáo có 01 người em ruột sinh năm 2007 và 01 người con ruột sinh năm 2024.

- Tiền án, tiền sự: không.

- Bị bắt tạm giam để điều tra từ ngày 07/8/2024 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Tuấn K. Sinh ngày 06 tháng 6 năm 2000, tại tỉnh Bến Tre.

- Giới tính: nam.

- Nơi cư trú: ấp TT, xã TX, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

- Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Họ và tên cha: không rõ thông tin về cha ruột; Họ và tên mẹ: Lê Thị M; Anh, chị, em ruột: có 02 người, lớn nhất sinh năm 1980 và nhỏ nhất sinh năm 1984; Bị cáo chưa có vợ, con.

- Tiền án, tiền sự: không.

- Nhân thân của bị cáo: Bị cáo K bị Công an xã TX, huyện BT xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” năm 2019; bị Ủy ban nhân dân xã TX áp dụng biện pháp giáo dục tại xã năm 2019 và bị Tòa án nhân

dân huyện BT áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc năm 2020.

- Bị bắt tạm giam để điều tra từ ngày 07/8/2024 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Hữu C. Sinh ngày 01 tháng 8 năm 1995, tại tỉnh Bến Tre.

- Giới tính: nam.

- Nơi cư trú: ấp TA, xã TX, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

- Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Họ và tên cha: Nguyễn Văn Bưởi E; Họ và tên mẹ: Dương Thị Y; Họ và tên vợ: Hồng Mẫn V; Anh, chị, em ruột: có 02 người, lớn nhất sinh năm 1981 và nhỏ nhất sinh năm 1989; Bị cáo có 01 người con ruột sinh năm 2020.

- Tiền án, tiền sự: không.

- Bị bắt tạm giam để điều tra từ ngày 07/01/2025 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Trần Minh C1. Sinh ngày 26 tháng 7 năm 1996, tại tỉnh Bến Tre.

- Giới tính: nam.

- Nơi cư trú: ấp PT, xã TP, huyện BD.

- Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Họ và tên cha: Trần Văn H; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Kim Y; Bị cáo có 01 người anh ruột sinh năm 1995 và chưa có vợ, con.

- Tiền án, tiền sự: không.

- Bị bắt tạm giam để điều tra từ ngày 07/8/2024 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Thái Đ. Sinh ngày 21 tháng 10 năm 1993, tại tỉnh Bến Tre.

- Giới tính: nam.

- Nơi cư trú: ấp TA, xã TX, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

- Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Họ và tên cha: Nguyễn Văn B; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Đ; Họ và tên vợ: Phạm Tố Q (đã ly hôn); Anh, chị, em ruột: có 05 người, lớn

nhất sinh năm 1980 và nhỏ nhất sinh năm 1988; Bị cáo có 01 người con ruột sinh năm 2017.

- Tiền án, tiền sự: không.

- Nhân thân của bị cáo: Bị cáo Đ bị Công an xã TX, huyện BT xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc trái phép dưới hình thức đá gà được thua bằng tiền” năm 2020.

- Bị bắt tạm giam để điều tra từ ngày 07/01/2025 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực huyện BD.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Nguyễn Văn T2. Sinh ngày 18 tháng 5 năm 2002, tại tỉnh Bến Tre.

- Giới tính: nam.

- Nơi cư trú: ấp TA, xã TX, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

- Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Họ và tên cha: Nguyễn Văn C; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị M; Bị cáo có 01 người em ruột sinh năm 2004 và chưa có vợ, con.

- Tiền án, tiền sự: không.

- Bị bắt tạm giam để điều tra từ ngày 07/01/2025 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. Dương Ngọc Hoài Â. Sinh ngày 07 tháng 8 năm 2004, tại tỉnh Bến Tre.

- Giới tính: nam.

- Nơi cư trú: ấp TA, xã TX, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

- Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Họ và tên cha: Dương Ngọc H; Họ và tên mẹ: Mai Thị Tuyết M; Anh, chị, em ruột: có 02 người, lớn nhất sinh năm 1994 và nhỏ nhất sinh năm 1998; Bị cáo chưa có vợ, con.

- Tiền án, tiền sự: không.

- Bị bắt tạm giam để điều tra từ ngày 07/01/2025 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

10. Lê Tấn K1. Sinh ngày 05 tháng 5 năm 1994, tại tỉnh Bến Tre.

- Giới tính: nam.

- Nơi cư trú: ấp BC, thị trấn BÐ, huyện BÐ.

- Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không. Họ và tên cha: Nguyễn Tấn P; Họ và tên mẹ: Lê Thị O; Bị cáo là con một trong gia đình và chưa có vợ, con.

- Tiền án, tiền sự: không.

- Bị bắt tạm giam để điều tra từ ngày 07/01/2025 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực huyện BÐ.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

11. Huỳnh Thị Yến N. Sinh ngày 09 tháng 10 năm 1998, tại tỉnh Bến Tre.

- Giới tính: nữ.

- Nơi cư trú: khu phố 2, thị trấn BÐ, huyện BÐ.

- Nghề nghiệp: buôn bán. Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Họ và tên cha: Huỳnh Văn Mười S; Họ và tên mẹ: Phạm Thị H; Bị cáo là con một trong gia đình và chưa có chồng, con.

- Tiền án, tiền sự: không.

- Bị bắt tạm giam để điều tra từ ngày 07/01/2025 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực huyện BÐ.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

12. Đoàn Thái V. Sinh ngày 02 tháng 3 năm 2006, tại tỉnh Bến Tre.

- Giới tính: nam.

- Nơi cư trú: khu phố 2, thị trấn BÐ, huyện BÐ.

- Nghề nghiệp: làm biển; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Họ và tên cha: Đoàn Minh T; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Tổ Q; Anh, chị, em ruột: có 03 người, lớn nhất sinh năm 2011 và nhỏ nhất sinh năm 2021; Bị cáo chưa có vợ, con.

- Tiền án, tiền sự: không.

- Bị bắt tạm giam để điều tra từ ngày 07/01/2025 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực huyện BÐ.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

13. Nguyễn Tuấn K2. Sinh ngày 12 tháng 5 năm 2002, tại tỉnh Bến Tre.

- Giới tính: nam.

- Nơi cư trú: ấp 3, xã BT, huyện BÐ.

- Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Họ và tên cha: Nguyễn Văn L; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị O; Bị cáo có 01 người anh ruột sinh năm 1996 và chưa có vợ, con.

- Tiền án, tiền sự: không.

- Bị bắt tạm giam để điều tra từ ngày 07/01/2025 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực huyện BĐ.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

14. Đinh Văn T3. Sinh ngày 18 tháng 8 năm 1995, tại tỉnh Bến Tre.

- Giới tính: nam.

- Nơi cư trú: ấp CX, xã TTB, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

- Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không. Họ và tên cha: Đinh Văn B; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị T; Bị cáo có 01 người chị ruột sinh năm 1987 và chưa rõ thông tin vợ, con.

- Tiền án, tiền sự: không.

- Bị bắt tạm giam để điều tra từ ngày 03/01/2025 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực huyện BĐ.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người làm chứng:** Dương Văn K4, sinh năm 1994 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp TT, xã TX, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Hoàng T: Ông Trần Nhật Long H và ông Nguyễn Minh K – Là các Luật sư của Văn phòng luật sư Huy Nguyên thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre.

- Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Thái V: Bà Nguyễn Thị Lệ H – Là Luật sư Công ty Luật TNHH H2H thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Tất cả Luật sư đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 02 giờ 45 phút ngày 03/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BĐ phối hợp với Công an xã BT, huyện BĐ tiến hành kiểm tra, bắt quả tang Trần Hoàng T, Nguyễn Văn T1, Huỳnh Thanh L, Lê Tuấn K, Nguyễn Hữu C, Trần Minh C1, Nguyễn Thái Đ, Nguyễn Văn T2, Dương Ngọc Hoài A, Lê Tấn K1, Huỳnh Thị Yên N, Đoàn Thái V và Nguyễn Tuấn K2 đang tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng SUPER 01 của quán karaoke Lam Sơn, thuộc ấp BT 3, xã BT, huyện BĐ, nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng gồm có:

- 01 gói nylon màu trắng, kích thước 04 cm × 04 cm, hàn kín ba phía, phía còn lại rãnh khớp màu trắng viền xanh, bên trong chứa 02 viên nén màu xanh, nghi là ma túy (ký hiệu M1).

- 01 gói nylon màu trắng, kích thước 04 cm × 04 cm, hàn kín ba phía, phía còn lại rãnh khớp màu trắng viền xanh, bên trong chứa tinh thể màu trắng, nghi là ma túy (ký hiệu M2).

- 01 đĩa sứ tròn, màu trắng, đường kính 23 cm, cao 03 cm, bên trong đĩa có chứa tinh thể màu trắng, nghi là ma túy (ký hiệu M3).

- 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, được cuộn tròn, giữ cố định bằng ba miếng vỏ điều thuốc lá, đường kính 0,5 cm, dài 13 cm.

- 01 thẻ nhựa màu trắng, kích thước 8,5 cm × 5,5 cm.

- 01 tô nhựa màu trắng, có hoa văn là bông hoa màu vàng, đỏ, hồng, xám.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu trắng, màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 865413048172810, số IMEI 2: 865413048172802 của Trần Hoàng T.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu hồng kem, màn hình cảm ứng, số IMEI: 358688092513233 của Nguyễn Văn T1.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen, màn hình cảm ứng, mặt vỏ phía sau điện thoại có nhiều vết nứt, số IMEI: 356721083095332 của Huỳnh Thanh L.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đỏ, loại bàn phím, số IMEI 1: 355406841099435, số IMEI 2: 355406841599434 của Nguyễn Hữu C.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu trắng, màn hình cảm ứng, số IMEI: 356714117645065 của Trần Minh C1.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen, màn hình cảm ứng, số IMEI (khe 1): 351890418482518, số IMEI (khe 2): 353869188482518 của Nguyễn Thái Đ.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen, màn hình cảm ứng, số IMEI: 356714110173669 của Nguyễn Văn T2.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen, màn hình cảm ứng, số IMEI: 351732271637228 của Dương Ngọc Hoài Á.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen, màn hình cảm ứng, số IMEI: 358497890289156 của Lê Tấn K1.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu tím, màn hình cảm ứng, số IMEI: 351651523131956 của Huỳnh Thị Yến N.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xanh đen, màn hình cảm ứng, số IMEI: 351330881098434 của Đoàn Thái V.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu trắng, màn hình cảm ứng, vỏ ngoài bị bể nhiều nơi, số IMEI: 354830097709689 của Nguyễn Tuấn K2.

Qua quá trình điều tra xác định:

Khoảng 21 giờ ngày 02/4/2024, Lê Tuấn K, Huỳnh Thanh L, Trần Hoàng T và Trần Minh C1 gặp nhau tại xã TX, huyện BT, tỉnh Bến Tre thỏa thuận hùn tiền mua ma túy để đến quán karaoke Lam Sơn, thuộc ấp BT 3, xã BT, huyện BD thuê phòng sử dụng. Tú cho ứng tiền trước, sau đó cộng lại các khoản chi, rồi cả 04 người chia đều tiền ra để trả. Tú thuê xe ô tô do anh Dương Văn K4, sinh năm 1994, nơi cư trú: ấp TT, xã TX, huyện BT là tài xế lái xe chở 04 người đến quán karaoke Lam Sơn thuê phòng SUPER 01. Tại đây, có một người thanh niên lạ mặt đến giao ma túy cho Long đặt mua trước đó với giá tiền 2.500.000 đồng, bao gồm: 02 viên ma túy màu xanh MDMA (thường gọi là thuốc lắc) và 01 gói ma túy Ketamine (thường gọi là khay, dạng tinh thể màu trắng). Tú đưa tiền cho Long trả. Long lấy 02 viên ma túy MDMA đem vào trong phòng và đưa 01 gói ma túy Ketamine cho Đinh Văn T3 (là tiếp tân của quán) nhờ Tươi xào nấu, cà nhuỷên và kẻ thành từng hàng Ketamine ra dùm. Tươi nhận gói ma túy và đi vào nhà bếp, đổ nước sôi vào trong tô nhựa, rồi đặt đĩa sứ lên trên, đổ hết gói ma túy Ketamine lên đĩa để hơi nóng, cà nhuỷên ra cho mịn và dùng thẻ nhựa kẻ ra thành từng hàng ma túy trên đĩa, sau đó kêu Long ra bung vào phòng đặt lên bàn. Khanh dùng tờ tiền 10.000 đồng cuộn tròn lại thành 01 đoạn ống hút để làm dụng cụ hít ma túy. Khanh, Công, Tú và Long cùng nhau bẻ đôi 02 viên ma túy MDMA ra thành 04 viên nhỏ, lần lượt mỗi người uống 01 viên nhỏ vào miệng và từng người hít ma túy Ketamine vào mũi.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, như đã hẹn trước, Nguyễn Hữu C, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thái Đ, Nguyễn Văn T2, Dương Ngọc Hoài Â, Lê Tấn K1, Huỳnh Thị Yến N, Đoàn Thái V và Nguyễn Tuấn K2 đến phòng SUPER 01 của quán karaoke Lam Sơn gặp nhóm của Khanh, thì nhìn thấy trên đĩa sứ còn dư ma túy Ketamine chưa sử dụng hết, nên Chí, Tính, Điền, Tấn Kiệt, Nhi, Vinh và Tuấn Kiệt chia nhau hít hết số ma túy này vào mũi. Tân và Ân không có sử dụng ma túy này. Long đã đi ra ngoài ngủ. Sau khi đã sử dụng hết ma túy, Khanh, Tú, Công, Chí, Tính, Điền, Tân, Ân, Tấn Kiệt, Nhi, Vinh và Tuấn Kiệt cùng nhau bàn bạc hùn tiền mua thêm ma túy sử dụng tiếp. Chí kêu Tính gọi điện thoại Zalo cho người thanh niên có tên tài khoản là “Mai Bao Duy” hỏi mua 10 viên ma túy màu xanh MDMA và 01 gói ma túy Ketamine với giá tiền 6.500.000 đồng. Chí nhờ Nhi chuyển khoản trả tiền, nhưng máy điện thoại của Nhi không chuyển khoản được, nên Tú đứng ra mượn tiền của Khánh (tài xế lái xe) 6.500.000 đồng để trả tiền mua ma túy và nhờ Khánh nhận và đem gói ma túy đã mua vào phòng đưa cho Chí để trên bàn. Tính đổ gói ma túy Ketamine ra đĩa sứ, dùng thẻ nhựa cà nhuỷên và phân chia ra thành nhiều hàng. Tân, Điền, Chí, Ân, Nhi, Tấn Kiệt, Vinh và Tuấn Kiệt lần lượt mỗi người uống nửa viên ma túy MDMA vào miệng, rồi tiếp tục cùng với Tính, Tú và Khanh hít ma túy Ketamine vào mũi, rồi cùng nhau phê ma túy và ngồi nghe nhạc cho đến khi bị Công

an ập vào bắt quả tang, thu giữ trên bàn còn lại 02 viên ma túy màu xanh MDMA, ma túy Ketamine còn lại trong gói và trên đĩa sứ chưa sử dụng hết.

Tại bản Kết luận giám định số 276/2024/KL-KTHS ngày 10/4/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận như sau:

- 02 viên nén màu xanh đựng trong 01 gói nylon màu trắng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu M1 gửi giám định là chất ma túy, loại MDMA, khối 0,6904 gam.
- Tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói nylon được niêm phong trong phong bì ký hiệu M2 gửi giám định là chất ma túy, loại Ketamine, khối lượng 2,0210 gam.
- Tinh thể màu trắng bên trong đĩa tròn được niêm phong trong hộp giấy ký hiệu M3 gửi giám định là chất ma túy, loại Ketamine, khối lượng 0,4444 gam.

Qua kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể, tất cả 14 bị cáo đều dương tính với chất ma túy (Ketamine, MDMA).

Ngày 14/02/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BD tiến hành thực nghiệm điều tra, cho các bị cáo diễn lại từng hành vi phạm tội của mình như lúc xảy ra vụ án là phù hợp với nhau.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo là phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có được trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản Cáo trạng số 20/CT-VKSBD ngày 18/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BD, tỉnh Bến Tre đã truy tố các bị cáo Trần Hoàng T, Nguyễn Văn T1, Huỳnh Thanh L, Lê Tuấn K, Nguyễn Hữu C, Trần Minh C1, Nguyễn Thái Đ, Nguyễn Văn T2, Dương Ngọc Hoài Â, Lê Tấn K1, Huỳnh Thị Yên N, Đoàn Thái V, Nguyễn Tuấn K2 và Đinh Văn T3 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Các bị cáo Trần Hoàng T, Nguyễn Văn T1, Huỳnh Thanh L, Lê Tuấn K, Nguyễn Hữu C, Trần Minh C1, Nguyễn Thái Đ, Nguyễn Văn T2, Dương Ngọc Hoài Â, Lê Tấn K1, Huỳnh Thị Yên N, Đoàn Thái V, Nguyễn Tuấn K2 và Đinh Văn T3 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện BD đã truy tố và vật chứng đã thu thập. Các bị cáo đồng ý với kết luận giám định, các hành vi và quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

- Người bào chữa cho bị cáo T: Ông Trần Nhật Long H, ông Nguyễn Minh K– Là luật sư thuộc Văn phòng luật sư HN trình bày: Qua nội dung khai nhận của bị cáo T trong quá trình điều tra đã phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, do đó ông hoàn toàn thống nhất với cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện BD đã truy tố đối với bị cáo Trần Hoàng T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ

luật Hình sự về tội danh và điều luật áp dụng. Việc truy tố này theo ông là hoàn toàn đúng người, đúng tội. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà Đại diện viện kiểm sát nêu, ông đề nghị xem xét cho bị cáo thêm tình tiết ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là lao động chính đang nuôi con nhỏ. Đề nghị HĐXX áp dụng mức phạt thấp nhất mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

- Người bào chữa cho bị cáo V: Bà Nguyễn Thị Lệ H – Luật sư Công ty Luật TNHH H2H – thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh trình bày: Qua nội dung khai nhận của bị cáo V trong quá trình điều tra đã phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên, bà hoàn toàn thống nhất với cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện BD đã truy tố đối với bị cáo Đoàn Thái V về tội về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự về tội danh và điều luật áp dụng. Việc truy tố này theo bà là hoàn toàn đúng người, đúng tội. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà Đại diện viện kiểm sát nêu, bà đề nghị xem xét cho bị cáo thêm tình tiết ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là lao động chính trong gia đình nuôi các em, bà cố, ông nội. Đề nghị HĐXX áp dụng mức phạt thấp nhất mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

- Người làm chứng Dương Văn K4 trình bày chỉ là tài xế lái xe ô tô chở các bị cáo qua huyện BD, cho Tú mượn tiền, nhận và đem gói ma túy vào phòng cho các bị cáo, nhưng anh không biết Tú mượn tiền để mua mua túy mà chỉ nghe Tú và các bị cáo khác hỏi mượn tiền để trả tiền dịch vụ hát karaoke và khi nhận, đem gói ma túy vào phòng thì anh không biết bên trong có chứa chất ma túy, nghĩ rằng các bị cáo mua đồ ăn đến quán.

- Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Trần Hoàng T, Nguyễn Văn T1, Huỳnh Thanh L, Lê Tuấn K, Nguyễn Hữu C, Trần Minh C1, Nguyễn Thái Đ, Nguyễn Văn T2, Dương Ngọc Hoài A, Lê Tấn K1, Huỳnh Thị Yến N, Đoàn Thái V, Nguyễn Tuấn K2 và Đinh Văn T3 và đề nghị Hội đồng xét xử kết tội các bị cáo như sau:

*** Hình phạt chính**

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Tuấn K mức án từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm 06 tháng tù.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, **khoản 2** Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Hoàng T mức án từ 07 năm tù đến 08 năm tù.

3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 mức án từ 07 năm tù đến 08 năm tù.

4. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh L mức án tù 07 năm tù đến 08 năm tù.

5. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu C mức án tù 07 năm tù đến 08 năm tù.

6. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Minh C1 mức án tù 07 năm tù đến 08 năm tù.

7. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thái Đ mức án tù 07 năm tù đến 08 năm tù.

8. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 mức án tù 07 năm tù đến 08 năm tù.

9. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Dương Ngọc Hoài Â mức án tù 07 năm tù đến 08 năm tù.

10. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Tấn K1 mức án tù 07 năm tù đến 08 năm tù.

11. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Yến N mức án tù 07 năm tù đến 08 năm tù.

12. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, **khoản 2** Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đoàn Thái V mức án tù 07 năm tù đến 08 năm tù.

13. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn K2 mức án tù 07 năm tù đến 08 năm tù.

14. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đinh Văn T3 mức án tù 07 năm tù đến 07 năm 06 tháng tù.

*** Hình phạt bổ sung:** không.

- **Xử lý vật chứng:** Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu hồng kem, màn hình cảm ứng, số IMEI: 358688092513233 của Nguyễn Văn T1.

- Trả lại cho bị cáo Trần Hoàng T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu trắng, màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 865413048172810, số IMEI 2: 865413048172802.

- Trả lại cho bị cáo Huỳnh Thanh L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen, màn hình cảm ứng, mặt vỏ phía sau điện thoại có nhiều vết nứt, số IMEI: 356721083095332.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đỏ, loại bàn phím, số IMEI 1: 355406841099435, số IMEI 2: 355406841599434.

- Trả lại cho bị cáo Trần Minh C1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu trắng, màn hình cảm ứng, số IMEI: 356714117645065.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thái Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen, màn hình cảm ứng, số IMEI (khe 1): 351890418482518, số IMEI (khe 2): 353869188482518.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen, màn hình cảm ứng, số IMEI: 356714110173669.

- Trả lại cho bị cáo Dương Ngọc Hoài Â 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen, màn hình cảm ứng, số IMEI: 351732271637228.

- Trả lại cho bị cáo Lê Tấn K1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen, màn hình cảm ứng, số IMEI: 358497890289156.

- Trả lại cho bị cáo Huỳnh Thị Yến N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu tím, màn hình cảm ứng, số IMEI: 351651523131956.

- Trả lại cho bị cáo Đoàn Thái V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xanh đen, màn hình cảm ứng, số IMEI: 351330881098434.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Tuấn K2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu trắng, màn hình cảm ứng, vỏ ngoài bị bể nhiều nơi, số IMEI: 354830097709689.

- Đối với các vật chứng gồm có: 01 phong bì số 276/2024/M1, M2 được niêm phong bên trong có chứa chất ma túy còn lại sau giám định: M1: 0,5312 gam MDMA và M2 là 1,9119 gam Ketamine. 01 phong bì số 276/2024/M3 được niêm phong bên trong có chứa chất ma túy còn lại sau giám định: M3: 0,4099 gam Ketamine. 01 đĩa sứ tròn, màu trắng, đường kính 23 cm, cao 03 cm. 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, được cuộn tròn, giữ cố định bằng ba miếng vỏ điều thuốc lá, đường kính 0,5 cm, dài 13 cm. 01 thẻ nhựa màu trắng, kích thước 8,5 cm × 5,5 cm và 01 tờ nhựa màu trắng, có hoa văn là bông hoa màu vàng, đỏ, hồng, xám, đã được tách ra để tiếp tục tạm giữ tại Kho vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre để phục vụ

cho việc xử lý vụ việc khác theo Quyết định tách hành vi và tài liệu trong vụ án hình sự số 157 ngày 27/02/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BD, nên không xem xét xử lý trong vụ án này là đúng với quy định của pháp luật.

- **Trách nhiệm dân sự:** không.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Tất cả các bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi của mình, Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để sớm hòa nhập với cộng đồng, có ích cho xã hội, phụ giúp gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BD, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện BD, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình tố tụng và tại phiên Tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, **biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra**, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định: Lúc 02 giờ 45 phút ngày 03/4/2024, tại quán karaoke Lam Sơn, thuộc ấp BT 3, xã BT, huyện BD, Trần Hoàng T, Nguyễn Văn T1, Huỳnh Thanh L, Lê Tuấn K, Nguyễn Hữu C, Trần Minh C1, Nguyễn Thái Đ, Nguyễn Văn T2, Dương Ngọc Hoài Â, Lê Tấn K1, Huỳnh Thị Yến N, Đoàn Thái V, Nguyễn Tuấn K2 và Đinh Văn T3 đã cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (Ketamine và MDMA), có kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể đều dương tính, có vai trò đồng phạm với nhau trong vụ án, trong đó bị cáo T3 có vai trò là người giúp sức, các bị cáo còn lại đều có vai trò là người thực hành, nhằm mục đích đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể của người khác. Do đó, các bị cáo Trần Hoàng T, Nguyễn Văn T1, Huỳnh Thanh L, Lê Tuấn K, Nguyễn Hữu C, Trần Minh C1, Nguyễn Thái Đ, Nguyễn Văn T2, Dương Ngọc Hoài Â, Lê Tấn K1, Huỳnh Thị Yến N, Đoàn Thái V, Nguyễn Tuấn K2 và Đinh Văn T3 đã phạm tội “**Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy**”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng số 20/CT-VKSBD ngày 18/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BD đã truy tố các bị cáo Trần Hoàng T, Nguyễn Văn T1, Huỳnh Thanh L, Lê Tuấn K, Nguyễn Hữu C, Trần Minh C1, Nguyễn Thái Đ, Nguyễn Văn T2, Dương Ngọc Hoài Â, Lê Tấn K1, Huỳnh Thị Yến N, Đoàn Thái V, Nguyễn Tuấn K2 và Đinh Văn T3 là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến những quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây nguy hại cho lợi ích của xã hội, của cộng đồng dân cư và gây mất trật tự an toàn xã hội trên địa bàn các bị cáo thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguyên nhân dẫn đến những tội phạm và tệ nạn xã hội khác cần phải được xử lý nghiêm minh để răn đe và phòng ngừa chung xã hội.

[4] Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi để nhận biết việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy trái pháp luật sẽ bị pháp luật nghiêm trị nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích để cùng nhau sử dụng ma túy nhằm thỏa mãn cơn nghiện của mình, thể hiện ý thức xem thường pháp luật. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của các bị cáo gây ra.

[5] Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, các bị cáo đã thực hiện tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nhằm thỏa mãn cơn nghiện của mình.

[6] Về nhân thân: Các bị cáo đều là những người có nhân thân tốt (trừ bị cáo K và Điền). Đến thời điểm phạm tội, tất cả các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự. Bị cáo K 01 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, 01 lần bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã và 01 lần bị Tòa án nhân dân huyện BT áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc, bị cáo Đ 01 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc” năm 2020.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[8] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tất cả 14 bị cáo đều “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Ngoài ra các bị cáo L, Điền, Khanh, Tân, Chí và Ân có người thân trong gia đình là người có công với cách mạng. Các bị cáo Đ, Ân, Tú, Vinh là lao động chính trong gia đình, nên đây là các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo nêu trên theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả và hành vi của **các** bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Xét thấy, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống. Mặc khác còn nhằm giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm. Bị cáo Đ tuy có 01 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”, tuy nhiên bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên mức hình phạt cũng tương đồng với vai trò đồng phạm với các bị cáo khác. Bị cáo K có nhân thân xấu hơn nhiều so với các bị cáo còn lại (01 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép

chất ma túy, 01 lần bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã và 01 lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc) nên mức hình phạt của bị cáo K phải cao hơn các bị cáo còn lại mới phù hợp với sự phân hóa đồng phạm theo quy định tại Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

[9] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng:

- **01** điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu hồng kem, màn hình cảm ứng, số IMEI: 358688092513233 của Nguyễn Văn T1. Đây là điện thoại di động của bị cáo T1 sử dụng làm phương tiện liên lạc để mua ma túy và trao đổi thỏa thuận phương thức thanh toán tiền mua ma túy với người bán, nhằm mục đích cung cấp trái phép chất ma túy để phục vụ cho các bị cáo tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, nên đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội, do đó phải bị tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước.

- **01** điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu trắng, màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 865413048172810, số IMEI 2: 865413048172802 của bị cáo Trần Hoàng T; **01** điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen, màn hình cảm ứng, mặt vỏ phía sau điện thoại có nhiều vết nứt, số IMEI: 356721083095332 của bị cáo Huỳnh Thanh L; **01** điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đỏ, loại bàn phím, số IMEI 1: 355406841099435, số IMEI 2: 355406841599434 của bị cáo Nguyễn Hữu C; **01** điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu trắng, màn hình cảm ứng, số IMEI: 356714117645065 của bị cáo Trần Minh C1; **01** điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen, màn hình cảm ứng, số IMEI (khe 1): 351890418482518, số IMEI (khe 2): 353869188482518 của bị cáo Nguyễn Thái Đ; **01** điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen, màn hình cảm ứng, số IMEI: 356714110173669 của bị cáo Nguyễn Văn T2; **01** điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen, màn hình cảm ứng, số IMEI: 351732271637228 của bị cáo Dương Ngọc Hoài A; **01** điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen, màn hình cảm ứng, số IMEI: 358497890289156 của bị cáo Lê Tấn K1; **01** điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu tím, màn hình cảm ứng, số IMEI: 351651523131956 của bị cáo Huỳnh Thị Yên N; **01** điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xanh đen, màn hình cảm ứng, số IMEI: 351330881098434 của bị cáo Đoàn Thái V; **01** điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu trắng, màn hình cảm ứng, vỏ ngoài bị bể nhiều nơi, số IMEI: 354830097709689 của bị cáo Nguyễn Tuấn K2. Đây là các điện thoại di động thuộc tài sản cá nhân của các bị cáo, không có liên quan đến tội phạm, các bị cáo có nguyện vọng xin được nhận lại nên trả lại cho các bị cáo.

- Đối với các vật chứng gồm có: 01 phong bì số 276/2024/M1, M2 được niêm phong bên trong có chứa chất ma túy còn lại sau giám định: M1: 0,5312 gam MDMA và M2 là 1,9119 gam Ketamine. 01 phong bì số 276/2024/M3 được niêm phong bên trong có chứa chất ma túy còn lại sau giám định: M3: 0,4099 gam Ketamine. 01 đĩa sứ tròn, màu trắng, đường kính 23 cm, cao 03 cm. 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng,

được cuộn tròn, giữ cố định bằng ba miếng vỏ điều thuốc lá, đường kính 0,5 cm, dài 13 cm. 01 thẻ nhựa màu trắng, kích thước 8,5 cm × 5,5 cm và 01 tô nhựa màu trắng, có hoa văn là bông hoa màu vàng, đỏ, hồng, xám, đã được tách ra để tiếp tục tạm giữ tại Kho vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre để phục vụ cho việc xử lý vụ việc khác theo Quyết định tách hành vi và tài liệu trong vụ án hình sự số 157 ngày 27/02/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BĐ, nên không xem xét xử lý trong vụ án này là đúng với quy định của pháp luật.

[11] Các vấn đề khác:

- Ngày 27/02/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BĐ ra Quyết định số 157 về việc tách hành vi của các bị cáo cùng với tài liệu, vật chứng bao gồm: 01 phong bì số 276/2024/M1, M2 được niêm phong bên trong có chứa chất ma túy còn lại sau giám định: M1: 0,5312 gam MDMA và M2 là 1,9119 gam Ketamine. 01 phong bì số 276/2024/M3 được niêm phong bên trong có chứa chất ma túy còn lại sau giám định: M3: 0,4099 gam Ketamine. 01 đĩa sứ tròn, màu trắng, đường kính 23 cm, cao 03 cm. 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, được cuộn tròn, giữ cố định bằng ba miếng vỏ điều thuốc lá, đường kính 0,5 cm, dài 13 cm. 01 thẻ nhựa màu trắng, kích thước 8,5 cm × 5,5 cm và 01 tô nhựa màu trắng, có hoa văn là bông hoa màu vàng, đỏ, hồng, xám, để tiếp tục điều tra, làm rõ có dấu hiệu của tội phạm “Tàng trữ trái phép chất ma túy” xảy ra hay không, nhằm làm cơ sở xử lý vụ việc đúng theo quy định của pháp luật.

- Ông Trần Hoàng Nhân, sinh năm 1990, nơi cư trú: ấp Hưng Điền, xã Hưng Phong, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre là chủ quán karaoke Lam Sơn. Tuy không biết và không có hành vi giúp sức cho các bị cáo tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, nhưng với trách nhiệm chủ kinh doanh để xảy ra hoạt động sử dụng trái phép chất ma túy trong khu vực do mình quản lý; vi phạm trong việc lập sổ quản lý, lưu trữ dữ liệu, tình hình hoạt động kinh doanh không đúng, không đầy đủ theo quy định của Bộ Công an; kinh doanh dịch vụ karaoke ngoài khoảng thời gian từ 08 giờ đến 24 giờ mỗi ngày, nên đã bị Ủy ban nhân dân huyện BĐ xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 29.000.000 đồng và tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự trong thời hạn 09 tháng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2957/QĐ-UBND ngày 09/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BĐ.

- Anh Dương Văn K4 là tài xế lái xe ô tô chở các bị cáo qua huyện BĐ, cho Tú mượn tiền, nhận và đem gói ma túy vào phòng cho các bị cáo, nhưng qua quá trình điều tra, anh Khánh không biết Tú mượn tiền để mua ma túy mà chỉ nghe Tú và các bị cáo khác hỏi mượn tiền để trả tiền dịch vụ hát karaoke và khi nhận, đem gói ma túy vào phòng thì không biết bên trong có chứa chất ma túy, nghĩ rằng các bị cáo mua đồ ăn đến quán, nên không có cơ sở để xem xét xử lý trách nhiệm đối với anh Khánh là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Người thanh niên lạ mặt đến giao ma túy cho bị cáo L, qua điều tra không biết lai lịch nhân thân của người này, nên không đề cập xử lý gì thêm.

- Qua rà soát, truy xét đối tượng tại địa phương và xác minh chủ tài khoản Ngân hàng Sacombank (tài khoản tiếp nhận chuyển khoản tiền mua ma túy) cũng như chủ tài khoản Zalo “Mai Bao Duy”, thì xác định tại xã Lộc Thuận, huyện BD có đối tượng tên Mai Bảo Vi, sinh năm 1999, nơi cư trú: ấp Phú Thành, xã Lộc Thuận, huyện BD là người có thông tin trùng khớp với đặc điểm tài khoản ngân hàng, nhưng Vi không có mặt ở địa phương, không rõ đi đâu, làm gì, nên không thể triệu tập làm việc được để làm rõ có hay không có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BD đã ra Quyết định số 157 ngày 27/02/2025 về việc tách hành vi của Mai Bảo Vi ra thành một vụ việc khác. Khi nào truy tìm và làm việc được, nếu có đủ căn cứ thì sẽ tiến hành xử lý sau.

- Các bị cáo là những người sử dụng ma túy, nhưng không phải là người đang cai nghiện, nên không xử lý các bị cáo theo điểm đ khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật.

[12] Lời phát biểu luận tội và tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên Tòa sơ thẩm về tội danh đối với các bị cáo Trần Hoàng T, Nguyễn Văn T1, Huỳnh Thanh L, Lê Tuấn K, Nguyễn Hữu C, Trần Minh C1, Nguyễn Thái Đ, Nguyễn Văn T2, Dương Ngọc Hoài Â, Lê Tấn K1, Huỳnh Thị Yến N, Đoàn Thái V, Nguyễn Tuấn K2 và Đinh Văn T3, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đề nghị áp dụng đối với các bị cáo **và đề nghị xử lý vật chứng** là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Trần Hoàng T, Đoàn Thái V về các tình tiết giảm nhẹ và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T và Vinh là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo là người bị kết án nên **các** bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Hoàng T, Nguyễn Văn T1, Huỳnh Thanh L, Lê Tuấn K, Nguyễn Hữu C, Trần Minh C1, Nguyễn Thái Đ, Nguyễn Văn T2, Dương Ngọc Hoài Â, Lê Tấn K1, Huỳnh Thị Yến N, Đoàn Thái V, Nguyễn Tuấn K2 và Đinh Văn T3 phạm tội **“Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”**.

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Tuấn K **07 năm 06 tháng tù**.

Thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2024.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Hoàng T **07 năm tù**.

Thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2024.

3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 **07 năm tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2024.

4. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh L **07 năm tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2024.

5. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu C **07 năm tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày 07/01/2025.

6. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Minh C1 **07 năm tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2024.

7. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thái Đ **07 năm tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày 07/01/2025.

8. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 **07 năm tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày 07/01/2025.

9. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Dương Ngọc Hoài A **07 năm tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày 07/01/2025.

10. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Tấn K1 **07 năm tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày 07/01/2025.

11. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Yến N **07 năm tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày 07/01/2025.

12. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đoàn Thái V **07 năm tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày 07/01/2025.

13. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn K2 **07 năm tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày 07/01/2025.

14. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đinh Văn T3 **07 năm tù**.

Thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2025.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu hồng kem, màn hình cảm ứng, số IMEI: 358688092513233 của Nguyễn Văn T1.

- Trả lại cho bị cáo Trần Hoàng T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu trắng, màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 865413048172810, số IMEI 2: 865413048172802.

- Trả lại cho bị cáo Huỳnh Thanh L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen, màn hình cảm ứng, mặt vỏ phía sau điện thoại có nhiều vết nứt, số IMEI: 356721083095332.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đỏ, loại bàn phím, số IMEI 1: 355406841099435, số IMEI 2: 355406841599434.

- Trả lại cho bị cáo Trần Minh C1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu trắng, màn hình cảm ứng, số IMEI: 356714117645065.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thái Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đen, màn hình cảm ứng, số IMEI (khe 1): 351890418482518, số IMEI (khe 2): 353869188482518.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen, màn hình cảm ứng, số IMEI: 356714110173669.

- Trả lại cho bị cáo Dương Ngọc Hoài Â 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen, màn hình cảm ứng, số IMEI: 351732271637228.

- Trả lại cho bị cáo Lê Tấn K1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen, màn hình cảm ứng, số IMEI: 358497890289156.

- Trả lại cho bị cáo Huỳnh Thị Yến N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu tím, màn hình cảm ứng, số IMEI: 351651523131956.

- Trả lại cho bị cáo Đoàn Thái V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xanh đen, màn hình cảm ứng, số IMEI: 351330881098434.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Tuấn K2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu trắng, màn hình cảm ứng, vỏ ngoài bị bể nhiều nơi, số IMEI: 354830097709689.

(Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 29/4/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre và Chi cục Thi hành án dân sự huyện BD; hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện BD đang quản lý).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo Trần Hoàng T, Nguyễn Văn T1, Huỳnh Thanh L, Lê Tuấn K, Nguyễn Hữu C, Trần Minh C1, Nguyễn Thái Đ, Nguyễn Văn T2, Dương Ngọc Hoài Â, Lê Tấn K1, Huỳnh Thị Yên N, Đoàn Thái V, Nguyễn Tuấn K2 và Đinh Văn T3 phải chịu án phí là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Các Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Công an tỉnh Bến Tre;
- Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bến Tre;
- Phân trại tạm giam khu vực huyện BĐ, Trại tạm giam công an tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- Các bị cáo;
- Bộ phận thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Quốc Duy